

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2019/HS-ST**
Ngày 24 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Chính**

Bà **Thiều Thị Phi Loan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Kim Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Quốc N** (tên gọi khác: Bi), sinh năm: 1987 tại Đ.

Nơi đăng ký HKTT: 39 tổ 34, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: 39 tổ 34, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Ngô Văn D, sinh năm: 1951 và bà Nguyễn Thị T (đã chết).

Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 04 chị em.

Có vợ tên Lê Nguyễn Thảo T, sinh năm 1987. Có 01 con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt: Ngày 24/10/2018.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B (*Bị cáo có mặt*).

- Bị hại: Chị Lê Thị Vĩnh Q, sinh năm: 1987 – (*Có đơn vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1977 - (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: E954, khu phố 5A, phường L thành phố B, tỉnh Đ

2. Anh Phan Anh T, sinh năm: 1984 – (*Có mặt*)

Địa chỉ: 174/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/11/2017, Ngô Quốc N mượn xe mô tô hiệu Honda SH biển số 60F1- 427.37 của anh Phan Anh T, sinh năm 1984, ngụ 74/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ để chở con đi học. Sau khi đưa con đến trường, trên đường về đến đoạn đường Nguyễn Văn A, thuộc khu phố 2, phường T, thành phố B, N phát hiện chị Lê Thị Vĩnh Q, sinh năm 1987, ngụ tổ 17, khu phố 3, phường L, thành phố B, đang điều khiển xe mô tô cùng chiều phía trước, túi quần bên trái của chị Q có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S thò ra ngoài, nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. Để thực hiện ý định trên, Nam điều khiển xe chạy áp sát phía bên trái xe chị Q, dùng tay phải giật chiếc điện thoại trong túi quần của chị Q rồi tăng ga bỏ chạy thoát. N chạy đến tiệm mua bán điện thoại di động, tại địa chỉ E954, khu phố 5A, phường L, thành phố B do anh Phạm Văn D, sinh năm 1977 làm chủ và bán chiếc điện thoại cướp được cho anh D lấy số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), sau đó N chạy về nhà trả xe cho anh T.

Sau khi bị cướp giật tài sản, chị Q đến Công an phường T trình báo sự việc, Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý. Sau khi làm việc với Nam, Cơ quan điều tra cho N về địa phương để chờ xử lý thì N bỏ trốn. Đến ngày 24/10/2018 N đến Công an B đầu thú.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S N cướp giật của chị Lê Thị Vĩnh Q, rồi bán cho anh Phạm Văn D, sau đó, anh D đã bán chiếc điện thoại trên cho 01 người khách không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH màu trắng - đen, biển số 60F1-427.37, N sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, qua xác minh là xe của chị Nguyễn Thanh T giao cho anh Phan Anh T (chồng chị T) sử dụng, anh T cho N mượn và không biết N dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/TCKH-HĐĐG ngày 27/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S có giá trị tài sản định giá là 4.740.500 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngô Thị Tuyết M (chị ruột của N) đã bồi thường cho bị hại chị Lê Thị Vĩnh Q số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), chị Q đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKSBH ngày 16 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Ngô Quốc N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Quốc N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (người phạm tội bồi thường thiệt hại; phạm tội gây thiệt hại không lớn; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú) của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Ngô Quốc N từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/11/2017, bị cáo mượn xe mô tô hiệu Honda SH biển số 60F1- 427.37 của anh Phan Anh T để chở con đi học. Sau khi đưa con đến trường, trên đường về đến đoạn đường Nguyễn Văn A, thuộc khu phố 2, phường T, thành phố B, bị cáo thấy chị Lê Thị Vĩnh Q đang điều khiển xe mô tô cùng chiều phía trước, túi quần bên trái của chị Q có để lộ ra ngoài 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. Để thực hiện ý định trên, bị cáo điều khiển xe chạy áp sát phía bên trái xe chị Q, dùng tay phải giật chiếc điện thoại trong túi quần của chị Q rồi tăng ga bỏ chạy thoát. Sau đó bị cáo đem bán chiếc điện thoại anh D lấy số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) để tiêu xài cá nhân. Kết luận định giá tài sản bị thiệt hại là 4.740.500 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng)”.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Quốc N đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo N có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Quốc N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại bãi nại; phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về phần dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), bị hại có đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt nên không đặt ra xem xét.

Đối với Phạm Văn D là chủ tiệm điện thoại di động do không biết chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S do bị cáo phạm tội mà có nên đã mua lại và bán lại cho người khác không rõ lai lịch nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Ngô Quốc N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Ngô Quốc N 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2018.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa